TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 10 - 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2019, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1976 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp X, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2019 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, bà Trần Thị T trình bày:

Vào năm 1996, bà (Trần Thị T) và ông Lê Văn V chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không còn hạnh phúc dẫn đến tình nghĩa vợ chồng không còn. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không mang

lại kết quả. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lê Văn V. Về con chung có 01 người tên là Lê Thị Y (giới tính nữ), sinh năm 1998, hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, bà yêu cầu được tự thỏa thuận với ông Lê Văn V; về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Lê Văn V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lê Văn V vắng mặt tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối ông Lê Văn V.

[2]. Xét về hôn nhân, bà Trần Thị T và ông Lê Văn V chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Trần Thị T xác định quá trình chung sống cùng với ông Lê Văn V thì thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống không còn hạnh phúc dẫn đến tình nghĩa vợ chồng không còn. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Bà Trần Thị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn V. Ông Lê Văn V đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai chứng cứ để Tòa án xem xét. Do hôn nhân của các đương sự không phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, bà Trần Thị T và ông Lê Văn V không được công nhận là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị T xác định bà và ông Lê Văn V có 01 người con chung tên là Lê Thị Y (giới tính nữ), sinh năm 1998, hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống nên bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung, bà Trần Thị T yêu cầu được tự thỏa thuận với ông Lê Văn V; về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Trần Thị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị T và ông Lê Văn V là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Thị T đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019303, ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước